

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2017/HSST**.

Ngày: 04/5/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC- TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bành Thị Thu Hà**

- Hội thẩm nhân dân:

Bà **Hoàng Thị Kim Ngân** - Giáo viên hưu trí huyện Xuyên Mộc.

Bà **Lê Thị Phương** - Phó trưởng phòng Lao động Thương binh- Xã hội huyện Xuyên Mộc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trương Thị Hoàn** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trí Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 24/2017/TLST-HS ngày 05/4/2017 đối với các bị cáo:

1, **Trần Đình B** (B E), sinh năm: 1995 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 8, xã HB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Là con ông Trần Văn S, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1974;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 28/8/2013 UBND huyện Xuyên Mộc ra Quyết định số 3256/QĐ-UBND về việc đưa người nghiện ma túy vào T tâm Giáo dục- Lao động và dạy nghề về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 28/8/2015.

Bị cáo B bị bắt ngày 13/11/2016, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Xuyên Mộc, (có mặt)

2, **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày: 24/9/2000 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 3, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Là con ông Nguyễn T, sinh năm: 1971 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1972;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo T hiện đang tại ngoại, (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh T:

Ông **Nguyễn T**, sinh năm: 1971, (có mặt) và bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1972, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T:

Bà **Trần Thị H** - Trợ giúp viên pháp lý, T tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (có mặt)

Người bị hại:

Bà **Nguyễn Thị Khánh L**, sinh năm: 1990, (vắng mặt).

Địa chỉ: Đội 5, ấp 7, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1, Ông **Lê Huy L**, sinh năm: 1987, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 5, xã HB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

2, Ông **Nguyễn T**, sinh năm: 1971, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

3, Ông **Trần Văn S**, sinh năm: 1973, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã HB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Đình B (B E), Nguyễn Thanh T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 18/9/2016 Trần Đình B điều khiển xe mô tô biển số 72G1-354.66 chở Nguyễn Thanh T sinh ngày 24/9/2000 chạy theo đường nông thôn, hướng xã HH đi xã HH. Khi đi đến khu vực ấp 7, xã HH B phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Sony T2 màu trắng để trong ngăn cốp phía sau tay lái xe Vison do chị Nguyễn Thị Khánh L điều khiển chạy cùng chiều. B nảy sinh ý định chiếm đoạt nên rủ T cùng

tham gia. T đồng ý, B chạy xe ép sát vào xe của chị L để T đưa tay qua lấy điện thoại rồi T tăng ga bỏ chạy, chị L thấy vậy đuổi theo và tri hô. Khi xe của chị L còn cách xe của T, B khoảng 10 mét thì B nói T lấy dao T lan hù dọa để chị L sợ không dám đuổi theo nữa, T lấy dao ra chỉ về phía chị L và nói “còn đuổi theo nữa tao đâm chết”, chị L đuổi theo đến đoạn đường vắng thì không đuổi theo nữa sau đó trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Sau khi chiếm đoạt được T sản, B và T chạy về xã HH, B lấy 2 sim có trong điện thoại ra vứt bỏ và lấy 100.000đ ở phía sau điện thoại đưa cho T trả tiền cà phê và tìm Ngô Võ Quốc T. Khi cả ba gặp nhau B nói cho T biết điện thoại mới lấy được của người khác, rồi cả ba người đi tìm nơi tiêu thụ nhưng không bán được vì chiếc điện thoại đã bị khóa mật khẩu. Sau đó cả ba đến nhà Nguyễn Quốc N (N M) ở Đội 1, xã HB để uống rượu cùng N M và 04 người khác không rõ lai lịch là TL, N, T, D. Tại đây, B nhờ TL giúp tìm nơi chạy lại phần mềm điện thoại, TL gọi điện giới thiệu cho anh Lê Huy L là chủ cửa hàng điện thoại Lê H ở tổ 9, ấp 5, xã HB để T và T mang điện thoại đến chạy lại phần mềm. Đến chiều cùng ngày B nhờ TL cầm lại điện thoại cho anh L được 2.000.000đ. Có tiền B cho TL mượn 1.000.000đ số tiền còn lại B đưa cho TL 500.000đ mua ma túy về sử dụng chung còn 500.000đ B, T và T cùng nhau tiêu xài hết.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc đã tiến hành điều tra, xác minh làm việc cùng T và B. Tại Cơ quan điều tra cả hai thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Căn cứ Kết luận định giá T sản số 73/KL-HĐĐG ngày 01/11/2016 của Hội đồng định giá T sản trong Tố tụng Hình sự - UBND huyện Xuyên Mộc xác định trị giá T sản tại thời điểm xảy ra vụ án: Điện thoại di động hiệu Sony T2 màu trắng trị giá 4.185.165đ.

Về dân sự và vật chứng trong vụ án: Sau khi thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Sony T2 màu trắng từ anh Lê Huy L giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Khánh L. Sau khi nhận lại T sản chị L không yêu cầu gì thêm, đối với số tiền 100.000đ và chi phí làm lại 02 sim điện thoại đã bị vứt bỏ chị L cho các bị can không yêu cầu bồi thường nên không xem xét; anh Lê Huy L yêu cầu các bị can phải bồi hoàn số tiền 2.000.000đ mà anh L đã cầm điện thoại, các bị can đồng ý và đã nhờ cha mình là ông Nguyễn T và ông Trần Văn S bồi thường thay, ông T và ông S cho luôn các bị can và không yêu cầu các bị can phải trả lại. Sau khi nhận tiền bồi thường, anh L không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với 2 sim điện thoại mà B rút bỏ trên đường và con dao nhọn thái lan T để quên tại nhà N m, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy. Riêng xe mô tô biển số 72G1-354.66 là T sản của ông Nguyễn T, T lấy đi sau đó sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông T. Sau khi nhận lại T sản ông T không có yêu cầu gì thêm.

Riêng đối tượng Ngô Võ Quốc T và N m đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được với T và N m nên chưa đủ căn cứ xử lý trong vụ án mà tách riêng để tiếp tục điều tra xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với TL, N, T và D quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa có căn cứ xem xét xử lý trong vụ án mà tách riêng để tiếp tục điều tra xác minh.

Anh Lê Huy L khi cầm điện thoại không biết T sản do phạm tội mà có nên không phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 31/QĐ-KSĐT ngày 04/4/2017 của VKSND huyện Xuyên Mộc truy tố các bị cáo Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d và đ khoản 2 điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, các quy định đối với bị cáo T là người chưa thành niên phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T về tội danh và điều khoản nêu trên, mức hình phạt đối với từng bị cáo như sau: Đối với bị cáo Trần Đình B (B E) áp dụng điểm d và đ khoản 2 điều 136, điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo B mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù; đối với bị cáo Nguyễn Thanh T áp dụng điểm d và đ khoản 2 điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo T mức án tù 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc và đề nghị Hội đồng xét xử xE xét cho bị cáo T hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điều 46 Bộ luật hình sự, khi phạm tội bị cáo T trong độ tuổi chưa thành niên nên chưa có nhận thức về xã hội nói chung và pháp luật nói riêng, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đồng thời bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng điểm b, p, g khoản 1 Điều 46; Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên phạt bị cáo T mức án thấp nhất và cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Khánh L không yêu cầu bị cáo B, T bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Huy L yêu cầu các bị can phải bồi hoàn số tiền 2.000.000đ, sau khi nhận tiền bồi thường, ông L không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông Nguyễn T và ông Trần Văn S là cha của các bị cáo bồi thường thay, ông T và ông S cho luôn các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố: Khoảng 10 giờ ngày 18/9/2016 Trần Đình B điều khiển xe mô tô biển số 72G1-354.66 chở Nguyễn Thanh T chạy theo đường nông thôn, hướng xã HH đi xã HH. B chạy xe ép sát vào xe của chị Nguyễn Thị Khánh L để T đưa tay qua lấy điện thoại di động hiệu Sony T2 màu trắng rồi T tăng ga bỏ chạy, chị L thấy vậy đuổi theo và tri hô. Khi xe của chị L còn cách xe của B, T khoảng 10 mét thì B nói T lấy dao T lan ra hù dọa để chị L sợ không dám đuổi theo, T lấy dao ra chỉ về phía chị L và nói “còn đuổi theo nữa tao đâm chết” nên chị L không đuổi theo nữa. Trần Đình B nhờ TL cầm điện thoại cho anh Lê Huy L được 2.000.000đ (Hai triệu đồng). B cho TL mượn 1.000.000đ (Một triệu đồng) số tiền còn lại B đưa cho TL 500.000đ mua ma túy về sử dụng chung còn 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) B, T và T cùng nhau tiêu xài hết. Điện thoại di động hiệu Sony T2 màu trắng của chị Nguyễn Thị Khánh L trị giá 4.185.165đ (Bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các T liệu khác có

tại hồ sơ. Với các tình tiết chứng cứ đã được chứng minh tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T đã cố ý lợi dụng sơ hở dùng thủ đoạn nguy hiểm khi chị Nguyễn Thị Khánh L đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường để nhanh chóng ép sát xe giật lấy T sản của chị L là điện thoại di động hiệu Sony T2 màu trắng trị giá 4.185.165đ (Bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng). Sau khi chị Nguyễn Thị Khánh L tri hô và đuổi theo các bị cáo để giành lại T sản thì các bị cáo đã dùng dao T lan chống trả chị L “còn đuổi theo nữa tao đâm chết”, để nhằm tẩu thoát. Đã đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của các bị cáo Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét nhân thân các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là những người có đầy đủ sức khỏe, có nhận thức đầy đủ về xã hội, ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng lười biếng lao động muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, các bị cáo đã cố ý lợi dụng sơ hở của người khác để công khai chiếm đoạt T sản nhằm thu lợi bất chính, phục vụ nhu cầu bản thân, gây hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương nên đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu T sản hợp pháp của công dân được pháp luật B vệ. Do đó cần phải xử lý thật nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đủ để cải tạo trở thành những công dân tốt, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa, giáo dục chung. Tuy nhiên khi lượng hình có xE xét đến nhân thân, vai trò tính chất tham gia vụ án, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt chính xác, phù hợp, đảm B tính giáo dục, cải tạo đồng thời nêu cao tính chất nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Đình B (B E) đã có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo còn xúi giục bị cáo Nguyễn Thanh T thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo B bị áp dụng tình tiết tăng nặng là xúi giục người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Đình B và Nguyễn Thanh T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại nên được áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T cho rằng trị giá T sản bị thiệt hại mà các bị cáo gây ra 4.185.165đ là không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét là tình tiết

giảm nhẹ cho bị cáo T. Xét trị giá T sản bị thiệt hại mà các bị cáo gây ra 4.185.165đ là không lớn, ngoài ra T sản đã được thu hồi để trả lại cho người bị hại. Do đó, ý kiến của người B về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội khi mới 15 tuổi 11 tháng 24 ngày trong độ tuổi chưa thành niên, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách L bị cáo T ra khỏi xã hội mà giao bị cáo T cho địa phương và gia đình quản lý, giáo dục.

Vì vậy, căn cứ vào các điểm b, p, g khoản 1 Điều 46 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B; căn cứ vào các điểm b, p, g khoản 1 Điều 46 Điều 47, Điều 60, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm nhẹ hình phạt, đồng thời cho bị cáo Nguyễn Thanh T được hưởng án treo và ấn định cho bị cáo T một thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Khánh L đã nhận lại T sản là điện thoại di động hiệu Sony T2 màu trắng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Huy L yêu cầu các bị cáo Trần Đình B và Nguyễn Thanh T phải bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ông Nguyễn T là cha bị cáo Nguyễn Thanh T và ông Trần Văn S là cha của bị cáo Trần Đình B đã bồi thường thay cho các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại. Sau khi nhận số tiền bồi thường, ông Lê Huy L không có yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 72G1-354.66 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện khi thực hiện vụ án là T sản của ông Nguyễn T, ông T không biết việc bị cáo T dùng xe máy làm phương tiện đi cướp giật T sản của người khác nên cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông T. Ông Nguyễn T đã được nhận lại T sản và không yêu cầu gì thêm.

Riêng các đối tượng Ngô Võ Quốc T và N m đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được; đối với TL, N, T và D quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa có căn cứ xem xét xử lý trong vụ án mà tách riêng để tiếp tục điều tra xác minh.

Ông Lê Huy L khi cầm điện thoại của các bị cáo không biết T sản do phạm tội mà có nên không phạm tội.

Về án phí: Các bị cáo Trần Đình B và Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo: Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, p, g khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Đình B (B E) 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2016.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 136 BLHS 1999; điểm b, p, g khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày 04/5/2017. Giao Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để giám sát, giáo dục T trong thời gian chấp hành thử thách của án treo. Trường hợp Nguyễn Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trách nhiệm dân sự: Xong.

Về xử lý vật chứng: Xong

Về án phí: Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Trần Đình B (B E) và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được tính 15 (Mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Ủy ban nhân dân xã HH, huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bành Thị Thu Hà.

